

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/DS-ST
Ngày: 17 - 7 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trừ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hải
2. Bà Nguyễn Thị Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Nam Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2019/TLST- DS ngày 11 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Ngô Văn Q - sinh năm 1979; trú tại thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N - sinh năm 1991; trú tại thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1978; trú tại thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 13 tháng 3 năm 2019, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Ngô Văn Q trình bày:

Ngày 12 tháng 6 năm 2017 âm lịch tức ngày 05 tháng 7 năm 2017 dương lịch, tại nhà vợ chồng anh Q, chị N ở thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, vợ chồng anh Q, chị N có cho anh Nguyễn Văn N vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), vay không có lãi. Hai bên có làm giấy mượn tiền ngày 12 tháng 6 năm 2017

âm lịch do anh N viết và ký tên, theo đó anh N có hứa với vợ chồng anh Q, chị N là một tháng sau sẽ hoàn trả lại số tiền nợ cho anh Q, chị N.

Đến hạn anh N không trả tiền nợ vợ chồng anh Q, chị N như thỏa thuận mặc dù vợ chồng anh Q, chị N đã nhiều lần đòi nợ, sau đó anh N chỉ trả được 2.000.000 đồng cho anh Q, chị N.

Nay anh Q xác nhận anh N còn nợ vợ chồng anh 8.000.000 đồng.

Anh Q yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Nguyễn Văn N trả cho vợ chồng anh 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) làm một lần. Tại Biên bản hòa giải ngày 28 tháng 6 năm 2019 anh Q yêu cầu anh N trả lãi do chậm trả nợ là 0,75%/tháng tính từ ngày chậm trả là ngày 05 tháng 8 năm 2017 đến ngày 05 tháng 6 năm 2019 là 22 tháng với số tiền là: $(8.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 22 \text{ tháng}) = 1.320.000 \text{ đồng}$ (một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng); tại phiên tòa anh Q rút yêu cầu, không yêu cầu anh N trả phần lãi này. Anh Q yêu cầu Tòa giải quyết buộc anh N trả 8.000.000 đồng làm một lần.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 6 năm 2019, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Ngày 12 tháng 6 năm 2017 âm lịch tức ngày 05 tháng 7 năm 2017 dương lịch, anh N có đến nhà vợ chồng anh Q, chị N vay số tiền 10.000.000 đồng, anh N có viết và ký tên vào giấy vay tiền ngày 12 tháng 6 năm 2017 âm lịch xác nhận nợ và hẹn 01 tháng sau sẽ trả lại số tiền trên cho vợ chồng anh Q, chị N, hai bên có thỏa thuận lãi bằng miệng là 800.000đồng/10.000.000đồng/tháng. Đến hạn 01 tháng sau do hoàn cảnh khó khăn nên anh N vẫn chưa trả 10.000.000 đồng tiền gốc như thỏa thuận, còn tiền lãi anh N trả anh Q, chị N được 02 tháng thì không trả nữa. Sau đó anh N đã trả cho vợ chồng anh Q, chị N được 2.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 8.000.000 đồng.

Anh N yêu cầu Tòa án giải quyết: Anh N đồng ý trả cho vợ chồng anh Q, chị N 8.000.000 đồng, nhưng do kinh tế gia đình khó khăn nên anh N xin trả làm nhiều lần, mỗi tháng anh trả cho anh Q, chị N 500.000 đồng, trả liên tục cho đến khi hết nợ. Việc anh N trả lãi cho anh Q, chị N thì không có giấy tờ gì, anh N không yêu cầu Tòa án tính lại số tiền lãi tôi đã trả cho anh Q, chị N.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 5 năm 2019, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị đã nghe rõ lời trình bày của chồng chị là anh Ngô Văn Q, chị thống nhất với lời trình bày của anh Q. Chị yêu cầu anh N trả tiền gốc 8.000.000 đồng, không yêu cầu anh N trả lãi do chậm trả nợ.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Qn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án

theo hướng chấp nhận yêu cầu trả 8.000.000 đồng của nguyên đơn; tại phiên tòa nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan rút yêu cầu trả lãi do chậm trả nợ với số tiền là 1.320.000 đồng đối với bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với phần yêu cầu này

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Ngô Văn Q yêu cầu anh Nguyễn Văn N trả tiền nợ vay, anh N có địa chỉ tại thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

[2] Về số tiền vay, lãi vay, phương thức và thời hạn trả nợ vay: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn anh Ngô Văn Q, lời khai của bị đơn anh Nguyễn Văn N, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa; căn cứ giấy mượn tiền ghi ngày 12 tháng 6 năm 2017 âm lịch thì anh Q, anh N, chị N đều thống nhất xác nhận: Anh N có vay anh Q, chị N 10.000.000 đồng, anh N đã trả cho anh Q, chị N được 2.000.000 đồng, còn nợ lại 8.000.000 đồng.

Việc anh N không thanh toán nợ đúng hạn cho anh Q, chị N đã vi phạm các quy định về hợp đồng dân sự vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại các Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự, gây khó khăn cho anh Q, chị N trong việc thu hồi vốn, gây thiệt thòi quyền lợi của anh Q, chị N. Nên việc anh Q, chị N yêu cầu Tòa án buộc anh N trả cho anh chị số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Anh N đồng ý trả số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) cho anh Q, chị N nhưng xin trả làm nhiều lần, mỗi tháng anh N trả cho anh Q, chị N 500.000 đồng cho đến khi hết nợ không được anh Q, chị N đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của anh N.

Anh N khai trả lãi cho anh Q, chị N tiền lãi mỗi tháng 800.000 đồng và đã trả được 02 tháng. Tuy nhiên việc anh N trả lãi cho anh Q, chị N thì không có giấy tờ gì, anh N cũng không yêu cầu Tòa án tính lại số tiền lãi anh đã trả cho anh Q, chị N; anh Q, chị N cũng không thừa nhận số tiền lãi anh N đã trả nên không có cơ sở xem xét số tiền lãi này.

Tại phiên tòa nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan rút yêu cầu trả lãi do chậm trả nợ với số tiền là 1.320.000 đồng đối với bị đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ

thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 8.000.000 đồng X 5% = 400.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 6; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Anh Nguyễn Văn N phải trả cho anh Ngô Văn Q, chị Nguyễn Thị N số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Quy định: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/7/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả lãi do chậm trả nợ của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bị đơn.

3. Về án phí:

- Anh Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng).

- Anh Ngô Văn Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho anh Q số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0006681 ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh.

4. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
 - VKSND tỉnh Khánh Hòa;
 - VKSND huyện Vạn Ninh;
 - Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ;
 - Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****(Đã ký)****Nguyễn Văn Trừ**